

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ – ST  
Ngày: 27-8-2025  
V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Nguyễn Thị Lê;

2/ Bà Võ Thị Ngọc;

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Dũng – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:***  
Bà Dương Hoài Thảo – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp: Ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh ngày: 10/10/1990

Nơi cư trú: Thôn 10, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nay là thôn 10, xã Ngh, tỉnh Đồng Nai)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày: 17/6/1991

Nơi cư trú: Thôn 10, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nay là thôn 10, xã Ngh, tỉnh Đồng Nai)

(*Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy

đăng ký kết hôn số 111/2010, ký ngày 16/11/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận trong một thời gian dài. Đến năm 2022, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu liên quan đến vấn đề tài chính. Anh phát hiện chị Nguyễn Thị L đã tự ý cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) và số tiền 75 triệu đồng mà không thông báo, giải thích rõ lý do. Ngoài ra, anh cũng nghi ngờ chị Nguyễn Thị L có các mối quan hệ không rõ ràng bên ngoài. Khi sự việc bị phát hiện, hai bên đã xảy ra tranh cãi, to tiếng với nhau. Đến khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2022 chị Nguyễn Thị L đã chuyển ra khỏi nơi ở chung và sống cùng một người đàn ông khác tại thôn 3, xã Ngh, tỉnh Đồng Nai. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt nghiêm trọng và không còn khả năng hàn gắn. Nay anh Nguyễn Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật L, sinh ngày: 05/5/2011; Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày: 04/11/2016. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Nhật L và Nguyễn Bảo Nh.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Th về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày: 05/5/2011 và Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày: 04/11/2016 cho anh Nguyễn Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L (là bị đơn) đã được tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 111/2010, ký ngày 16/11/2010. Lời khai của anh Nguyễn Văn Th phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (*bút lục số 04*). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị L là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của anh Nguyễn Văn Th: Anh Nguyễn Văn Th khai nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn về vấn đề chi tiêu quản lý tiền bạc và mối quan hệ bên ngoài của chị Nguyễn Thị L. Đến khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2022 chị L đã chuyển ra khỏi nhà và sống cùng một người đàn ông khác. Lời khai của anh Nguyễn Văn Th phù hợp với lời khai của người làm chứng (b1 số 26). Như vậy, có đủ cơ sở xác định chị Nguyễn Thị L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Nguyễn Văn Th.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Th khai nhận vợ chồng có 02 con chung, cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày: 05/5/2011 và cháu Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày: 04/11/2016. Lời khai của anh Nguyễn Văn Th phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

Anh Nguyễn Văn Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Nhật L và Nguyễn Bảo Nh. Xét, cháu Nguyễn Nhật L, Nguyễn Bảo Nh đang ở lứa tuổi dậy thì cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của cha hoặc mẹ. Từ năm 2022 cho đến nay, anh Nguyễn Văn Th là người chăm sóc, nuôi dưỡng cho cháu Nguyễn Nhật L và Nguyễn Bảo Nh. Mặt khác, hai con cũng có nguyện vọng được bố (anh Nguyễn Văn Th) tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của trẻ em, đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và tâm sinh lý cho trẻ em và tôn trọng ý kiến của các con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật

Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Nhật L và cháu Nguyễn Bảo Nh cho anh Nguyễn Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Các vấn đề khác:

[7.1] Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, được xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[7.2] Về án phí: tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7.3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7.4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với phù hợp với quy định của pháp luật và quan điểm giải quyết của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 111/2010, ký ngày 16/11/2010 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày: 05/5/2011 và cháu Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày: 04/11/2016 cho anh Nguyễn Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009751 ký ngày 24 tháng 4 năm 2025 của chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Nai).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/8/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 - Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Thị Phương Hạnh**